ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 267 /TB-UBND	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO
Kết luận tại cuộc họp chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tháng 8/2026, nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026

Ngày 03/9/2026, đồng chí Lê Quang Hòa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì cuộc họp chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CĐS) tháng 8/2026, nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026. Dự họp có lãnh đạo các sở, ngành liên quan; cán bộ, chuyên viên các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel).

Sau khi nghe báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 27/7/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030 (Kế hoạch số 294/KH-UBND) và Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên (Kế hoạch số 303/KH-UBND); kết quả giải ngân các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CĐS; ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp; đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận như sau:

1. Kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ

1.1. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND, Kế hoạch số 303/KH-UBND

a) Kế hoạch số 294/KH-UBND có 135 nhiệm vụ CĐS và 34 nhiệm vụ về KHCN, ĐMST. Trong đó 41/135 nhiệm vụ CĐS và 3/34 nhiệm vụ KHCN, ĐMST đã hoàn thành; 94 nhiệm vụ CĐS và 31 nhiệm vụ KHCN, ĐSMT đang triển khai thực hiện.

b) Kế hoạch số 303/KH-UBND có 08 nhiệm vụ do Trung ương giao và 44 nhiệm vụ do các sở, ngành, địa phương xây dựng, thực hiện.

- Đối với nhiệm vụ do Trung ương giao: 02 nhiệm vụ đã hoàn thành[1]; 01 nhiệm vụ (có hạn đến 15/8) chưa hoàn thành[2]; 05 nhiệm vụ đang được thực hiện theo đúng tiến độ.

---

[1] (1) Rà soát, khắc phục tình trạng lõm sóng tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập; (2) Rà soát, khắc phục tình trạng thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập.

[2] Triển khai đầy đủ chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về CĐS theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.

- Đối với các nhiệm vụ do các sở, ngành, địa phương xây dựng, thực hiện: 4/44 nhiệm vụ đã hoàn thành; 40 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn và có kết quả cụ thể.

1.2. Kết quả tích hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Về cập nhật, làm sạch các cơ sở dữ liệu: Thực hiện cập nhật, làm sạch 12 cơ sở dữ liệu, cụ thể:

- *Cơ sở dữ liệu đất đai*: Tổng số thửa đất: 3.263.464 thửa; tổng số thửa đã làm sạch: 530.162 thửa *(đạt 16,24%) (tháng 8 làm sạch: **194.329** thửa)*.

- *Dữ liệu khám, chữa bệnh (bệnh án điện tử):* Đã thực hiện kết nối bệnh án của các cơ sở khám chữa bệnh về kho dữ liệu của của Ngành y tế. Tổng số lượt KBCB đẩy lên Trung tâm IOC tỉnh: **456.531** lượt *(KCB BHYT: 422.176; Không BHYT: 34.355)*.

- *Dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử:* Tháng 8 tạo lập được **278.756** hồ sơ, nâng tổng số đã cập nhật lên 1.140.903 hồ sơ/ tổng dân số toàn tỉnh 3.567.900 người *(đạt 32%)*.

- *Dữ liệu về thông tin sức khỏe bà mẹ và trẻ em:* Toàn tỉnh có 133 tài khoản trên hệ thống. Trong đó, 104 tài khoản là của đơn vị quản lý hành chính (các xã, phường) và 29 CSKBCB. Tổng số hồ sơ liên thông: 615.522 hồ sơ.

- *Dữ liệu về cán bộ công chức*: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC): 58.799 người; số hồ sơ đồng bộ lên hệ thống CSDL quốc gia về CBCCVC: 58.536 hồ sơ *(tăng **345** hồ sơ so với tháng 7, đạt 99,55%)*; đã đối soát với CSDL quốc gia về dân cư: 58.202 hồ sơ.

- *Dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo*: Đã cập nhật số hộ nghèo: 10.335 hộ; số hộ cận nghèo: 12.134 hộ.

- *Dữ liệu truy xuất nguồn ngốc*: Đã cập nhật 536 cơ sở *(Tăng **1** cơ sở so với tháng 7)*; cập nhật 1.220 sản phẩm *(tăng **50** sản phẩm so với tháng 7)*;

- *Dữ liệu về khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế:* Đã cập nhập đủ 67 KCN; 115 CCN. Cập nhập số Doanh nghiệp: Doanh nghiệp trong KCN: 709 doanh nghiệp *(thực hiện **1.346** dự án)*. Doanh nghiệp trong CCN: 305 doanh nghiệp *(thực hiện **327** dự án)*.

- *Dữ liệu về thương mai điện tử:* Tháng 8 không cập nhật thêm được sản phẩm lên sàn thương mại điện tử của tỉnh.

- *Dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên:* Đã cập nhật 600.936 hợp đồng (Tháng 8 cập nhật **936** hợp đồng).

- *Dữ liệu đánh số nhà:* 104 xã, phường đã xây dựng kế hoạch và phương án đánh số, gắn biển số nhà. Trong đó, 73 xã, phường đã có báo cáo thực hiện đánh số nhà với tổng số nhà, công trình xây dựng phải đánh số, gắn biển**: 764.416**;

tổng số nhà, công trình xây dựng đã được đánh số**: 523.536**; đã chuyển Công an cấp xã nhập vào hệ thống: **78.956** số nhà *(theo Báo cáo số 750/BC-SXD ngày 28/8/2026 của Sở Xây dựng)*.

- *Dữ liệu học bạ số*: Đã lập học bạ số thành công cho **606.000** học sinh trên địa bàn toàn tỉnh, hoàn thành triển khai chính thức Học bạ số đạt tỷ lệ 100% đối với cấp Tiểu học, THCS, THPT và GDTX.

b) Về kết nối vào kho dữ liệu của tỉnh:

Tích hợp thành công dữ liệu của **12/30** CSDL thuộc 9 sở, ngành; kết nối **174 API/12** CSDL; xây dựng được **250** biểu đồ/**12** lĩnh vực**.**

c) Về kết nối, chia sẻ dữ liệu IOC tỉnh:

IOC Hưng Yên đã hoàn **20 hệ thống giám sát**[3] phục vụ công tác quản lý, điều hành của tỉnh.

d) Về đảm bảo trang, thiết bị phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số:

78,4% trang thiết bị (máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng) đáp ứng tiêu chí cấu hình tối thiểu *(6.295 máy/ tổng số 8.027 máy; tỷ lệ trung bình cả nước là 39,3%)*; tỷ lệ cài đặt phần mềm tiện ích đạt 78,4% *(tỷ lệ trung bình cả nước là 57,6%)*.

1.3. Về nhân lực công nghệ thông tin (CNTT):

- Cấp tỉnh: Tổng số cán bộ có chuyên môn về CNTT: 173 người; 100 người làm chuyên trách về CĐS, 73 người kiêm nhiệm 1 phần công việc CĐS.

- Cấp xã: Tổng số cán bộ có trình độ chuyên môn về CNTT 160 người; 104 xã, phường đã bố trí cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm về CĐS (chuyên trách: 94 người; kiêm nhiệm: 10 người).

1.4. Tình hình phân bổ, giải ngân kinh phí KHCN, ĐSMT và CĐS

- Tổng NSNN được giao cho KHCN, ĐMST, CĐS: 2.390.979,4 triệu đồng *(đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 3% tổng chi NS)*. Tổng dự toán đã được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị và địa phương: 1.447.178,8 triệu đồng *(đạt 63% dự toán giao năm 2026)*.

---

[3] (1) Giám sát chỉ tiêu Ngân sách; (2) Giám sát Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư; (3) Giám sát tình hình Kinh tế- Xã hội;(4) Giám sát tình hình tiếp nhận và xử lý hành chính công; (5) Giám sát tình hình phản ánh hành chính công; (6) Giám sát điều hành văn bản điện tử; (7) Giám sát tình hình an ninh mạng; (8) Giám sát điều hành lĩnh vực Y tế; (9) Giám sát điều hành lĩnh vực Giáo dục; (10) Giám sát thông tin trên môi trường mạng; hoàn thành tích hợp trực tuyến dữ liệu của 20 lĩnh vực chuyên ngành thực hiện giam sát gồm: (11) Giám sát tình hình công chức, viên chức toàn tỉnh (luân chuyển, thâm niên, độ tuổi); (12) Giám sát thông tin về tỉnh trên mạng báo chí và mạng xã hội; (13) Giám sát thiên tai (kết nối trực tiếp với phần mềm giám sát thiên tai của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); (14) Giám sát chỉ số chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh, sở, ngành và địa phương; (15) Giám sát tình hình các khu, cụm công nghiệp; (16) Giám sát chỉ số PCI, PAPI; (17) Giám sát hiện trường (hệ thống camera AI giám sát an toàn giao thông, an ninh trật tự do Công an tỉnh quản lý); (18) Bản đồ số tỉnh Hưng Yên; (19) Giám sát dữ liệu về đất đai; (20) Giám sát thông tin dữ liệu quy hoạch tỉnh..

- Tổng kinh phí giải ngân: 258.440,8 triệu đồng/1.541.375,4 triệu đồng *(bao gồm cả dự toán chuyển nguồn từ năm trước 94.196,6 triệu đồng)* đạt 16,76%; trong đó:

+ Về chi đầu tư phát triển: Giải ngân 29.860,1 triệu đồng/ 159.128 triệu đồng *(đạt tỷ lệ 18,76%)*.

+ Về chi thường xuyên: Giải ngân 179.667,7 triệu đồng/ 944.390,4 triệu đồng NS cấp tỉnh *(đạt 19,02%)*; 48.912 triệu đồng/ 437.857 triệu đồng NS cấp xã *(đạt tỷ lệ 11,17%)*.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

1.4. Tồn tại, hạn chế

a) Còn 02/17 sở, ngành[4] và 11/104 xã, phường[5] chưa ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND; 03/104 xã, phường[6] chưa ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 303/KH-UBND.

b) Một số nhiệm vụ có hạn trong tháng 7[7], tháng 8[8] còn chậm tiến độ; công tác phối hợp, cung cấp thông tin, báo cáo của một số cơ quan, đơn vị còn chậm, không đúng thời gian quy định.

c) Dữ liệu chưa đồng đều, nhiều cơ sở dữ liệu còn phải tiếp tục làm sạch, chuẩn hóa; năng lực quản trị dữ liệu giữa các đơn vị chưa đồng đều.

d) Thiết bị đầu cuối, mạng LAN và bảo đảm an toàn thông tin ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; còn khó khăn về thủ tục đầu tư, xác định thẩm quyền phê duyệt dự án và chờ hướng dẫn của Trung ương.

đ) Việc hỗ trợ nhân lực chuyển đổi số theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP còn chậm[9]; việc phân bổ chi tiết, giải ngân .....còn rất chậm, thấp hơn trung bình cả nước, đặc biệt là đầu tư công cho KHCN, ĐMST và CĐS.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháng 9/2026

2.1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Đối với các đơn vị, địa phương chưa ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND, Kế hoạch số 303/KH-UBND; đơn vị có nhiệm vụ chậm muộn trong tháng 7, tháng 8; các địa phương chưa có thông tin báo cáo kết quả triển khai đánh số nhà, công trình xây dựng cần nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu, bộ

---

[4] Sở Tài chính, Sở Xây dựng

[5] Đoàn Đào, Tống Trân; Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Tây Tiền Hải, Nam Đông Hưng, Diên Hà, Hồng Vũ, Vũ Thư

[6] Nguyễn Trãi, Long Hưng, Hồng Vũ

[7] Văn phòng UBND tỉnh: 02 nhiệm vụ; Công an tỉnh: 01 nhiệm vụ; Sở Tư pháp: 01 nhiệm vụ.

[8] Văn phòng UBND tỉnh: 02 nhiệm vụ.

[9] Sở Tài chính tổng hợp được 03 đợt với **78 người** được hưởng, với tổng số tiền **3.385.000.000 đồng** *(do các cơ quan, đơn vị chậm gửi đề xuất danh sách về Sở Tài chính, Sở Nội vụ).*

phận tham mưu và thời hạn hoàn thành. Yêu cầu khẩn trương hoàn thiện, ban hành kế hoạch triển khai và đường găng tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, hoàn thành **trước ngày 10/9/2026**; thực hiện đúng, đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Tập trung xử lý dứt điểm các nhiệm vụ chậm tiến độ của tháng 7, tháng 8, bảo đảm hoàn thành **trước ngày 30/9/2026**. Đẩy nhanh triển khai các nhiệm vụ đã đủ điều kiện hoàn thành và thực hiện giải ngân theo quy định. Đối với những nhiệm vụ cụ thể có nhiều điểm nghẽn, đơn vị chủ trì triển khai cần chủ động tham mưu, báo cáo và thực hiện đôn đốc thường xuyên, kịp thời. Các đơn vị liên quan cần rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu, tạo luồng xanh trong triển khai nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CĐS, đảm bảo đúng quy trình, quy định nhưng ưu tiên đẩy nhanh, rút ngắn thời gian các công đoạn.

- Tập trung hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành (đất đai, y tế, giáo dục, đánh số nhà, khu, cụm công nghiệp...); đẩy nhanh cập nhật, làm sạch dữ liệu.

- Khẩn trương mua sắm thiết bị đầu cuối phục vụ chuyển đổi số, mạng LAN và triển khai giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin cấp xã, phường.

- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2.2. Các sở, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ các nhiệm vụ có hạn trong tháng 9 và các nhiệm vụ của qúy IV, năm 2026; trọng tâm gồm: IOC cấp xã, KIOSK, chữ ký số ngành y tế, họp trực tuyến khối Đảng, kênh Tammi/Zalo/ Facebook.

(Có Phụ lục 02, 03 kèm theo)

2.3. Nhất trí nội dung đề xuất về lộ trình, tiến độ, sản phẩm thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 của Tập đoàn Viettel tại Phụ lục 04: Danh mục các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2026 *(kèm theo).*

Các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Tập đoàn Viettel triển khai thực hiện theo quy định pháp luật, đảm bảo tiến độ yêu cầu.

2.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CĐS; phối hợp hướng dẫn, đôn đốc công tác phân bổ và giải ngân ngân sách thực hiện nhiệm vụ KHNC, ĐMST, CĐS đối với cấp xã; chủ trì tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Viettel hoàn thiện phần mềm quản lý, theo dõi nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS của tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, báo cáo; hoàn thành **trong tháng 9/2026**.

- Chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Viettel triển khai Thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tập đoàn Viettel.

- Chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Viettel, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Khung kiến trúc số tổng thể đặc thù của tỉnh, đảm bảo thống nhất, liên thông trong 4 khối: Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân từ cấp tỉnh đến cấp xã, thôn, tổ dân phố; báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh **trước ngày 30/9/2026.**

2.5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp hoàn thiện phương án, kinh phí xử lý, tiếp nhận cơ sở nhà, đất của Sở Giao dịch I - Ngân hàng Phát triển Việt Nam để triển khai Dự án Trung tâm Dữ liệu - IOC - Hành chính công tỉnh; đề xuất chủ đầu tư thực hiện dự án, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15/9/2026**; chủ trì hướng dẫn, đôn đốc cấp xã khẩn trương thực hiện phân bổ kinh phí được giao tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 25/7/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15/9/2026.**

2.6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Rà soát, tham mưu xây dựng Đề án quản lý trường học trực tuyến; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ triển khai **trước ngày 15/9/2026**.

- Cập nhật dữ liệu trường, lớp, học sinh ngay sau khi hoàn thành sắp xếp trường mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập.

2.7. Sở Xây dựng

Tiếp tục đôn đốc các địa phương, đặc biệt là 31 địa phương chưa có kết quả triển khai đánh số nhà, công trình xây dựng, khẩn trương hoàn thành việc đánh số nhà trên các tuyến đường, phố, ngõ, ngách; yêu cầu thường xuyên tổng hợp, cập nhật dữ liệu số nhà và cung cấp cho Công an xã, phường để thực hiện cập nhật, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đồng thời tổ chức gắn biển số nhà đối với các tuyến đường đã hoàn thành việc đặt tên.

2.8. Công an tỉnh

Chủ trì tham mưu thành lập Tổ Công tác rà soát, hướng dẫn chuyên môn và thẩm tra, kiểm soát tiến độ, số liệu báo cáo theo nội dung tại Mục 4 Thông báo kết luận này; báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh **trước ngày 12/9/2026**.

2.9. Uỷ ban nhân dân xã, phường

Khẩn trương rà soát, ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND, Kế hoạch số 303/KH-UBND *(trường hợp chưa ban hành)* **trước ngày 10/9/2026**; rà soát, triển khai đúng tiến độ các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CĐS được giao; thực hiện phân bổ, triển khai và giải ngân kinh phí theo quy định.

2.10. **Đề nghị Tập đoàn Viettel** phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan triển khai Thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tập đoàn Viettel.

3. Tập trung xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên

Các sở, ban, ngành tỉnh; Uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ mốc ngày cuối cùng của Kế hoạch số 303/KH-UBND *(100 ngày, tính từ ngày ban hành Kế hoạch, đẩy lùi lại...)* rà soát, hoàn thiện kế hoạch, đường găng cụ thể và tập trung xử lý dứt điểm từng điểm nghẽn về chuyển đổi số của đơn vị, đảm bảo tiến độ, chất lượng và báo cáo tiến độ hằng tuần (vào thứ Sáu) với sản phẩm, số liệu theo thời gian thực về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh.

4. Các biện pháp quản lý, kiểm soát triển khai nhiệm vụ

a) Tập trung quản lý chặt chẽ nhiệm vụ/sản phẩm đảm bảo nguyên tắc:

- Theo chiều dọc: Sở, ngành tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện và là đầu mối theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, tham mưu, đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng sản phẩm đối với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan trong phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

- Theo chiều ngang: Trên cơ sở nhiệm vụ theo chiều dọc, xác định trách nhiệm và đánh giá mức độ hoàn thành của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ.

b) Thiết lập cơ chế kiểm soát thường xuyên, chuyên đề, xử lý công việc chuyên môn và kiểm soát nội dung phục vụ kỳ họp hằng tháng:

Thành lập Tổ công tác rà soát, hướng dẫn chuyên môn và thẩm tra, kiểm soát tiến độ, số liệu báo cáo. Giao đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh làm Tổ trưởng, đồng chí Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách lĩnh vực Chuyển đổi số và đồng chí Phó Giám đốc Sở Nội vụ làm Tổ phó; Tổ viên là Trưởng phòng một số sở, ngành liên quan.

c) Thống nhất thực hiện họp kiểm đếm các nhiệm vụ theo các Kế hoạch, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 294/KH-UBND: Thực hiện vào ngày 28 hằng tháng;

- Kế hoạch số 303/KH-UBND: Thực hiện vào ngày thứ Hai hằng tuần.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng báo cáo phục vụ các buổi họp kiểm đếm nhiệm vụ.

5. Về chế độ báo cáo và trách nhiệm thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân

tỉnh; cập nhật đầy đủ kết quả trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ http://nq57.hungyen.gov.vn và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng báo cáo.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 294/KH-UBND, Kế hoạch số 303/KH-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đối với các đơn vị tiếp tục chậm muộn, không có kết quả cụ thể đến thời điểm họp chuyên đề tháng 9, thực hiện thanh tra công vụ đối với việc triển khai nhiệm vụ chậm muộn.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan biết, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tập đoàn Viettel;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Viettel Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm: TTHN, PVHHC tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KGVX.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Dực